

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tháng 02 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 8
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	9 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 từ trang 09 đến trang 38 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số: 6282/QĐ-UB-KT ngày 05/11/1997 đăng ký lại lần thứ 1 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000119, ngày 29/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV từ tháng 08/2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số 0301447810 ngày 12 tháng 06 năm 2013.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 38.783.000.000 đồng. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu 100% vốn điều lệ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu cầu đường bộ, tuyến kè bờ biển và đê thủy lợi nội đồng theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao; Cung ứng nước ngọt cho cộng đồng dân cư trên địa bàn. Quản lý, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Hoạt động khác: San lấp mặt bằng; Quản lý và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; Xây dựng các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng thuộc nhóm C (gồm công trình phúc lợi công cộng, trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà ở cơ quan, cơ sở sản xuất và dân dụng); Tư vấn khảo sát thiết kế, thi công các công trình giao thông, thủy lợi; Thi công các công trình cấp thoát nước; Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng gồm: cát, đá, đất, sỏi, bê tông nhựa nóng (chỉ khai thác cát, đá, đất, sỏi khi được cấp giấy phép theo quy định); Đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Đặng Văn Thiện	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Hiếu Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 14/06/2019

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Tuyết Mai	Kiểm soát viên
--------------------	----------------

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Lộc	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 13/01/2020
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Giám đốc	Hết nhiệm kỳ từ ngày 01/10/2019
Ông Phạm Đức Hùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ông Nguyễn Duy Lộc phụ trách chung việc quản lý, điều hành hoạt động, đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 01/10/2019 căn cứ Công văn số 4723/UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ ngày 08/10/2019, và được bổ nhiệm là Giám đốc Công ty kể từ ngày 13/01/2020 theo Quyết định số 05/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ ngày 13/01/2020.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Thành Thật.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019 là Ông Nguyễn Văn Hiếu, từ ngày 01/10/2019 đến ngày 12/01/2020 là Ông Nguyễn Duy Lộc - Phó Giám đốc Công ty và từ ngày 13/01/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Lộc - Giám đốc Công ty.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Duy Lộc
Giám đốc
Cần Giờ, ngày 24 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 09 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ phải thu và phải trả tại ngày 31/12/2019, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục công nợ này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính. Cụ thể:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2019
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	324.085.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.168.674.887
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	9.085.317.117
Phải thu dài hạn khác	216	2.256.814.758
Phải trả người bán ngắn hạn	311	382.970.416
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3.718.149.274
Phải trả khác ngắn hạn	319	5.999.101.146
Phải trả khác dài hạn	337	422.741.329

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định tại Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính với số tiền 9.585.035.932 đồng. Theo đó, nếu thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 như “Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi” (Mã số 137) sẽ tăng lên là 371.832.185 đồng, “Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi” (Mã số 219) sẽ tăng lên là 9.213.203.747 đồng và “LNST chưa phân phối năm nay” (Mã số 421b) giảm đi là 9.585.035.932 đồng, đồng thời các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 như “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (Mã số 26) tăng lên là 9.585.035.932 đồng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (Mã số 60) giảm đi tương ứng.

Công ty đang chờ Ủy ban phê duyệt quyết toán doanh thu của phần san lấp mặt bằng các khu dân cư mà Công ty đã thực hiện từ nhiều năm trước đây. Phần chi phí tương ứng với khoản doanh thu này đã được thực hiện từ nhiều năm trước đang được Công ty theo dõi số dư trên khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại mục số 12 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 01/01/2019 với giá trị là 3.656.697.349 đồng, trong năm 2019 Công ty đã kết chuyển vào giá vốn là 2.613.076.879 đồng, số dư còn lại tại ngày 31/12/2019 là 1.043.620.470 đồng. Đồng thời, Công ty cũng chưa tập hợp và ghi nhận đầy đủ chi phí và công nợ phải trả tương ứng với khối lượng công việc trước đây với các đối tượng có liên quan đã thực hiện ngoài các khoản chi phí dở dang đã được nêu trên của các công trình Khu dân cư này. Theo đó, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để thực hiện việc điều chỉnh công nợ, doanh thu, chi phí và giá vốn liên quan đến khối lượng công việc đã được thực hiện từ các năm trước đây của các công trình Khu dân cư này theo đúng quy định hiện hành cũng như chưa thể xác định được những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

Tại ngày 01/01/2019, số dư khoản “Phải thu khác dài hạn” bao gồm khoản chi phí phát sinh trong năm 2005 của Khu dân cư Vàm Sát II với giá trị là 1.389.000.000 đồng, nhưng Công ty chưa kết chuyển vào giá vốn tương ứng với doanh thu đã ghi nhận năm 2005. Trong năm 2019, Công ty kết chuyển số dư này sang “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn”. Theo đó, nếu thực hiện điều chỉnh hồi tố tăng giá vốn năm 2005, các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán sẽ ảnh hưởng như sau: chỉ tiêu “Phải thu khác dài hạn” (Ms 216) và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” (Ms 421a) tại ngày 01/01/2019 sẽ cùng giảm đi 1.389.000.000 đồng; ngoài ra chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” (Ms 241) và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” (Ms 421a) tại ngày 31/12/2019 cũng sẽ giảm đi 1.389.000.000 đồng tương ứng.

Trong năm 2019, Công ty đã kết chuyển vào chi phí quản lý doanh nghiệp đối với các khoản công nợ tồn đọng với số tiền là 405.431.907 đồng, và kết chuyển vào giá vốn hàng bán đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn của một số công trình khu dân cư tồn đọng đã phát sinh từ nhiều năm trước với số tiền 2.613.076.879 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ làm cơ sở cho việc kết chuyển nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2019, khoản mục Chi phí phải trả với số tiền trích trước là 25.445.928.538 đồng, đây là các khoản trích trước chi phí theo Lệnh giao khoán nội bộ cho các đội của các công trình đã phát sinh doanh thu trong năm 2019 nhưng chưa có chứng từ chi phí hoàn về. Theo đó, chúng tôi chưa thu thập đầy đủ hồ sơ chứng từ hoàn về của các công trình này để đánh giá các khoản chi phí trích trước này đã được phản ánh trong khoản mục giá vốn hàng bán, và có đầy đủ theo đúng quy định để được tính là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2019 hay không, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Tại 31/12/2019, số dư khoản phải trả khác phản ánh nội dung thu tiền từ Kho bạc Nhà nước về chi phí xây lắp Khu dân cư Giồng Ao là 3.958.662.826 đồng, Công ty chưa xác định được nguồn gốc của khoản thu này nên được tạm theo dõi trên khoản mục phải trả khác. Theo đó, chúng tôi cũng chưa có cơ sở để thực hiện điều chỉnh, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính theo quy định.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31/12/2019 của Công ty có số dư âm 5.102.343.028 đồng và được phản ánh lên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán.

Như được nêu tại mục 7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2019, khoản mục Phải thu ngắn hạn khác phản ánh khoản phải thu Công đoàn Công ty với số tiền 920.000.000 đồng, đây là khoản tạm ứng trước để chi cho mục đích phúc lợi của Công đoàn Công ty nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc trích Quỹ phúc lợi dành cho Công đoàn Công ty sẽ phụ thuộc vào quyết định của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ và các cơ quan có thẩm quyền.

Quỹ lương kế hoạch được ghi nhận trong năm 2019 của Công ty là 35.957.378.752 đồng đã được Hội đồng Thành viên Công ty thông qua. Tuy nhiên, việc sử dụng và phê duyệt chính thức Quỹ lương, các Quỹ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ và các cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 28/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6225/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2019, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định 126/NĐ-CP/2017 ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1828-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.504.363.277	51.899.014.567
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	34.075.200.260	19.226.121.896
Tiền	111		33.075.200.260	18.226.121.896
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.216.736.897	31.990.252.093
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.779.071.997	19.008.485.011
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		324.085.500	723.901.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.113.579.400	12.294.656.447
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	-	(36.790.365)
Hàng tồn kho	140	9	1.935.609.450	433.537.401
Hàng tồn kho	141		1.935.609.450	433.537.401
Tài sản ngắn hạn khác	150		276.816.670	249.103.177
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	155.719.314	97.720.200
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	121.097.356	151.382.977
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.143.419.598	37.598.084.155
Các khoản phải thu dài hạn	210		16.008.697.117	18.067.639.016
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	9.085.317.117	9.193.285.117
Phải thu dài hạn khác	216	7	9.031.459.412	10.426.585.819
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(2.108.079.412)	(1.552.231.920)
Tài sản cố định	220		9.341.653.013	10.497.765.524
Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.236.753.013	10.497.765.524
- Nguyên giá	222		29.657.392.755	28.923.575.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.420.639.742)	(18.425.809.777)
Tài sản cố định vô hình	227	11	104.900.000	-
- Nguyên giá	228		104.900.000	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.758.233.946	8.981.800.825
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	12	2.433.130.470	3.656.697.349
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.325.103.476	5.325.103.476
Tài sản dài hạn khác	260		34.835.522	50.878.790
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	34.835.522	50.878.790
TỔNG TÀI SẢN	270		125.647.782.875	89.497.098.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		68.068.248.532	40.377.775.670
Nợ ngắn hạn	310		55.037.507.203	27.670.034.341
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	427.970.416	632.187.458
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.305.149.274	4.052.122.663
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.895.891.844	3.206.171.456
Phải trả người lao động	314		2.439.388.827	1.500.270.299
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	33.600.505.696	11.401.160.918
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.999.101.146	3.361.919.902
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	81.500.000	974.500.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	288.000.000	2.541.701.645
Nợ dài hạn	330		13.030.741.329	12.707.741.329
Phải trả dài hạn khác	337	18	12.422.741.329	12.422.741.329
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	85.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		608.000.000	200.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.579.534.343	49.119.323.052
Vốn chủ sở hữu	410	21	57.579.534.343	49.119.323.052
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.783.000.000	38.783.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.796.534.343	10.336.323.052
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.553.512.141	5.641.117.577
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.243.022.202	4.695.205.475
TỔNG NGUỒN VỐN	440		125.647.782.875	89.497.098.722

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cần Giờ, ngày 24 tháng 02 năm 2020



Bùi Thị Minh Ngọc



Nguyễn Thành Thật



Nguyễn Duy Lộc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	135.630.836.772	66.464.328.732
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		135.630.836.772	66.464.328.732
Giá vốn hàng bán	11	23	114.225.935.451	51.723.780.687
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.404.901.321	14.740.548.045
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	90.331.449	85.914.788
Chi phí tài chính	22	25	26.008.000	70.063.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.008.000	70.063.000
Chi phí bán hàng	25	26	1.797.918.110	1.716.796.370
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.981.927.920	7.165.688.261
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.689.378.740	5.873.915.202
Thu nhập khác	31	27	1.258.761.460	6.201.499
Chi phí khác	32	28	34.992.092	8.887.886
Lợi nhuận khác	40		1.223.769.368	(2.686.387)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.913.148.108	5.871.228.815
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.670.125.906	1.176.023.340
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.243.022.202	4.695.205.475

Cần Giờ, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Bùi Thị Minh Ngọc



Nguyễn Thành Thật



Nguyễn Duy Lộc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.913.148.108	5.871.228.815
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.313.011.783	2.452.797.319
Các khoản dự phòng	03		616.885.903	97.828.776
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(181.240.540)	(85.914.788)
Chi phí lãi vay	06		26.008.000	70.063.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.687.813.254	8.406.003.122
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.131.076.056)	4.237.171.179
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(280.620.420)	1.143.257.277
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		29.414.190.758	(10.371.643.064)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.955.846)	88.569.146
Tiền lãi vay đã trả	14		(26.008.000)	(70.063.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.254.106.844)	(1.007.556.721)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	74.403.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.800.621.846	2.500.141.839
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.154.784.022)	(2.870.921.909)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.909.091	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.331.449	85.914.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(973.543.482)	(2.785.007.121)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	1.956.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(978.000.000)	(1.396.487.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(978.000.000)	559.512.333
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.849.078.364	274.647.051
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	19.226.121.896	18.951.474.845
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	34.075.200.260	19.226.121.896

Cần Giờ, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Bùi Thị Minh Ngọc



Nguyễn Thành Thật



Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số: 6282/QĐ-UB-KT ngày 05/11/1997 đăng ký lại lần thứ 1 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000119, ngày 29/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV từ tháng 08/2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số 0301447810 ngày 12 tháng 06 năm 2013.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhi, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 38.783.000.000 đồng. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu 100% vốn điều lệ.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ, Thương mại và Xây dựng.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu cầu đường bộ, tuyến kè bờ biển và đê thủy lợi nội đồng theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao; Cung ứng nước ngọt cho cộng đồng dân cư trên địa bàn. Quản lý, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Hoạt động khác: San lấp mặt bằng; Quản lý và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; Xây dựng các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng thuộc nhóm C (gồm công trình phúc lợi công cộng, trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà ở cơ quan, cơ sở sản xuất và dân dụng); Tư vấn khảo sát thiết kế, thi công các công trình giao thông, thủy lợi; Thi công các công trình cấp thoát nước; Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng gồm: cát, đá, đất, sỏi, bê tông nhựa nóng (chỉ khai thác cát, đá, đất, sỏi khi được cấp giấy phép theo quy định); Đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các hoạt động công ích và thực hiện các hợp đồng xây dựng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ công ích và thực hiện các hợp đồng xây dựng. Các dịch vụ công ích Công ty thực hiện và quyết toán với UBND thành phố còn các hợp đồng xây dựng Công ty phải tự tìm kiếm và đấu thầu theo đúng quy định. Do không phải là doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực xây dựng nên việc đấu thầu cạnh tranh với các doanh nghiệp khác gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngày 28/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6225/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2019, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định 126/NĐ-CP/2017 ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như được nêu tại thuyết minh số 33 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư 53/2016/T-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45 và Thông tư 147.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí liên quan giá vốn công trình được trích trước theo lệnh giao việc và tỉ lệ doanh thu ghi nhận trong năm.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, hoặc Giám sát công trình (bên C).

Trong trường hợp có sự thay đổi về tăng đơn giá được duyệt, Công ty sẽ căn cứ vào các Quyết định nhận được trong năm hiện hành về ban hành đơn giá mới bổ sung trong năm, Quyết định phê duyệt bổ sung kinh phí hoặc xét duyệt quyết toán ngân sách để ghi nhận doanh thu bổ sung vào năm nhận được Quyết định.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.9. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động dịch vụ công, hoạt động xây dựng, hoạt động bán vật liệu xây dựng và hoạt động cung cấp nước ngọt. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các Công ty có vốn Nhà nước chi phối, các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tiền mặt	6.834.368	6.873.754
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.068.365.892	18.219.248.142
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	34.075.200.260	19.226.121.896

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất 5,1%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	38.779.071.997	19.008.485.011
- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác	3.406.435.924	4.030.577.000
- Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường bộ	5.263.596.999	1.039.828.258
- Công trình Chăm sóc bảo quản cây xanh đường Rừng Sác	2.805.320.284	2.216.302.685
- Bảo quản và chăm sóc cây xanh	101.482.000	1.779.874.000
- Duy tu giao thông	694.274.697	1.361.846.550
- Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước đường Rừng Sác	596.891.000	1.563.173.991
- Sửa chữa đường Lý Nhơn (từ đường Rừng Sác đến Km5+290)	5.253.244.100	-
- Sửa chữa đường Rừng Sác (Km13+700 đến Km15+600), bên phải tuyến đường từ ngã ba Lý Nhơn đi cầu Lôi Giang.	10.045.285.671	-
- Duy tu các công trình kè, công trình thủy lợi trên địa bàn xã Lý Nhơn, xã Tam Thôn Hiệp và thị trấn Cần Thạnh.	3.934.153.455	-
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	6.678.387.867	7.016.882.527
Phải thu của khách hàng dài hạn	9.085.317.117	9.193.285.117
- Phải thu UBND Huyện Cần Giờ (*)	8.989.823.747	8.989.823.747
+ Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu	1.035.891.000	1.035.891.000
+ Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà	1.596.081.000	1.596.081.000
+ Khu dân cư Đồng Tranh - Long Hoà	4.767.000.000	4.767.000.000
+ Khu dân cư Vàm Sát II	1.089.510.000	1.089.510.000
+ Khu dân cư Giồng Ao	501.341.747	501.341.747
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	95.493.370	203.461.370
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

(*) Công nợ liên quan đến các công trình Khu dân cư mà Công ty thực hiện theo yêu cầu và chủ trương của UBND Huyện Cần Giờ là 8.989.823.747 đồng, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thanh toán quyết toán công trình cũng như quyết toán công nợ với các bên có liên quan.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	17.113.579.400	-	12.294.656.447	-
- Tạm ứng	299.143.013	-	299.143.013	-
- Ký cược, ký quỹ	9.269.564.411	-	5.402.100.000	-
- Công đoàn Công ty (*)	1.514.207.063	-	694.759.751	-
- Phải thu khác	920.000.000	-	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt (**)	8.321.885	-	34.749.010	-
	5.102.343.028	-	5.863.904.673	-
Dài hạn				
- Tạm ứng cho Ông Nguyễn Văn Suông	9.031.459.412	(2.108.079.412)	10.426.585.819	(1.491.193.509)
- Phải thu khác	1.512.214.758	(1.512.214.758)	1.512.214.758	(895.328.855)
+ Ban bồi thường GPMB huyện Cần Giờ	7.519.244.654	(595.864.654)	8.914.371.061	(595.864.654)
+ Khu dân cư Vàm Sát II	6.700.000.000	-	6.700.000.000	-
+ Ông Nguyễn Văn Ngoãn	-	-	1.389.510.000	-
+ Phải thu dài hạn khác	744.600.000	(521.220.000)	744.600.000	(521.220.000)
	74.644.654	(74.644.654)	80.261.061	(74.644.654)
Cộng	26.145.038.812	(2.108.079.412)	22.721.242.266	(1.491.193.509)

(*) Tại ngày 31/12/2019, khoản mục Phải thu ngắn hạn khác phản ánh khoản phải thu Công đoàn Công ty với số tiền 920.000.000 đồng, đây là khoản tạm ứng trước để chi cho mục đích phúc lợi của Công đoàn Công ty nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc trích Quỹ phúc lợi dành cho Công đoàn Công ty sẽ phụ thuộc vào quyết định của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ và các cơ quan có thẩm quyền.

(**) Quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31/12/2019 có số dư âm 5.102.343.028 đồng và được phản ánh lên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Việc sử dụng và phê duyệt chính thức các quỹ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Chi Cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. NỢ XẤU .

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.429.587.332	321.507.920	2.657.555.332	1.068.533.047
+ Ông Nguyễn Văn Suông (*)	1.586.859.412	-	1.586.859.412	616.885.903
+ Ông Nguyễn Văn Ngươn (**)	744.600.000	223.380.000	744.600.000	223.380.000
+ Công ty CP XD TTNT Thành Đô (***)	95.493.370	95.493.370	125.493.370	87.845.359
+ Công ty CP Tư vấn XD TM Phú Thiên Nam (***)	2.634.550	2.634.550	122.634.550	85.844.185
+ Công ty TNHH TM-DV Trung Long Hòa (***)	-	-	77.968.000	54.577.600
Cộng	2.429.587.332	321.507.920	2.657.555.332	1.068.533.047

(*) Khoản nợ phải thu Ông Nguyễn Văn Suông đã quá hạn trên 3 năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100%.

(**) Khoản nợ phải thu Ông Nguyễn Văn Ngươn đã quá hạn trên 3 năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 70%.

(***) Trong năm 2018 Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 30%, năm 2019 các Công ty này đã thanh toán công nợ.

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	265.636.931	-	297.499.395	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.650.164.302	-	66.414.713	-
Hàng hóa	19.808.217	-	69.623.293	-
Cộng	1.935.609.450	-	433.537.401	-

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2019	3.161.320.323	10.823.131.541	14.599.008.892	150.488.010	189.626.535	28.923.575.301	
- Mua trong năm	231.453.817	820.545.455	-	-	-	1.051.999.272	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(318.181.818)	-	-	(318.181.818)	
Tại 31/12/2019	3.392.774.140	11.643.676.996	14.280.827.074	150.488.010	189.626.535	29.657.392.755	
HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại 01/01/2019	2.107.995.333	8.585.567.608	7.518.380.874	150.488.010	63.377.952	18.425.809.777	
- Khấu hao trong năm	100.120.076	680.777.719	1.494.188.684	-	37.925.304	2.313.011.783	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(318.181.818)	-	-	(318.181.818)	
Tại 31/12/2019	2.208.115.409	9.266.345.327	8.694.387.740	150.488.010	101.303.256	20.420.639.742	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2019	1.053.324.990	2.237.563.933	7.080.628.018	-	253.004.487	10.497.765.524	
Tại 31/12/2019	1.184.658.731	2.377.331.669	5.586.439.334	-	88.323.279	9.236.753.013	

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 7.790.931.135 đồng.

Nguyên giá tại ngày 31/12/2019 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.547.545.455 đồng.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.932.915.869 đồng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản trị doanh nghiệp hợp nhất Amis.vn được khấu hao trong vòng 4 năm bắt đầu từ năm 2020.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Khu dân cư Giồng Ao	-	-	26.937.952	26.937.952
- Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu	-	-	17.517.135	17.517.135
- Khu dân cư Cá Cháy - ATE	-	-	2.076.010.712	2.076.010.712
- Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà	325.707.191	325.707.191	325.707.191	325.707.191
- Khu dân cư Đồng Tranh - Long Hoà	-	-	89.458.583	89.458.583
- Khu dân cư Đồng Dinh - Long Hoà	-	-	2.335.000	2.335.000
- Khu dân cư Vàm Sát II	2.107.423.279	2.107.423.279	717.913.279	717.913.279
- Khu dân cư Cọ Dầu - Bình Khánh	-	-	341.040.989	341.040.989
- Khu Dân Cư Giồng Ao II	-	-	48.452.159	48.452.159
- Khu dân cư Giồng Ao (Iha)	-	-	11.324.349	11.324.349
Cộng	2.433.130.470	2.433.130.470	3.656.697.349	3.656.697.349

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
- Tiền sử dụng đất kho 360 dự án 8ha để đầu tư xây dựng nhà để bán theo quy hoạch	4.127.142.790	4.127.142.790
- Công trình xây dựng văn phòng đội xây lắp An Nghĩa	318.223.236	318.223.236
- Quyền sử dụng đất khu đường Nguyễn Phan Vinh, TT Cần Thạnh, huyện Cần Giờ	206.892.000	206.892.000
- Hàng rào khu đất kho 360	17.150.000	17.150.000
- Công trình lắp đặt, di dời tuyến ống nước đường Đào Cừ	211.200.337	211.200.337
- Công trình lắp đặt, di dời tuyến ống nước đường Giồng Ao	444.495.113	444.495.113
Cộng	5.325.103.476	5.325.103.476

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Ngắn hạn	155.719.314	97.720.200
- Chi phí đồng phục	95.152.000	51.330.000
- Chi phí khác	60.567.314	46.390.200
Dài hạn	34.835.522	50.878.790
- Chi mua máy photo	21.000.000	39.000.000
- Chi phí mua máy in	4.751.522	11.878.790
- Chi phí mua máy thổi bụi	9.084.000	-
Cộng	190.554.836	148.598.990

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	427.970.416	427.970.416	632.187.458	632.187.458
- Công ty cổ phần Hawaco Miền Nam	29.050.000	29.050.000	-	-
- Phạm Thị Thanh Tùng	54.000.000	54.000.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Tùng Đạt - Khu dân cư Giồng Ao	272.529.416	272.529.416	-	-
- Hộ kinh doanh sửa chữa xe cơ giới Anh Cường	-	-	85.000.000	85.000.000
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Tp. HCM	-	-	470.147.998	470.147.998
- DNTN Phú Hào Khang	-	-	42.205.060	42.205.060
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	72.391.000	72.391.000	34.834.400	34.834.400
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.362.863.716	5.880.700.518	3.693.224.854	3.550.339.380
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.461.835.744	2.762.090.593	1.254.106.844	2.969.819.493
- Thuế bảo vệ môi trường	381.471.996	478.862.523	484.601.548	375.732.971
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	138.354.754	138.354.754	-
Cộng	3.206.171.456	9.263.008.388	5.573.288.000	6.895.891.844
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	151.382.977	45.284.216	14.998.595	121.097.356
Cộng	151.382.977	45.284.216	14.998.595	121.097.356

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	33.600.505.696	33.600.505.696	11.401.160.918	11.401.160.918
- Chi phí các công trình xây lắp	673.891.980	673.891.980	2.532.261.238	2.532.261.238
- Chi phí các công trình đường đê, nội áp	27.966.691.869	27.966.691.869	4.992.613.671	4.992.613.671
- Chi phí các công trình công ích	4.690.506.670	4.690.506.670	3.054.680.015	3.054.680.015
- Các khoản trích trước khác	269.415.177	269.415.177	821.605.994	821.605.994
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	33.600.505.696	33.600.505.696	11.401.160.918	11.401.160.918

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC

- Ngắn hạn**
- Bảo hiểm xã hội
 - Bảo hiểm y tế
 - Bảo hiểm thất nghiệp
 - Các khoản phải trả, phải nộp khác
 - + Báo lãnh dự thầu các công trình
 - + Tiền bù cấp giá nước
 - + Phải trả chênh lệch kinh phí do giảm tiền lương trong đơn giá các sản phẩm, dịch vụ công ích 2012 và 2013
- Dài hạn**
- + Khu dân cư Giồng Ao
 - + Phải trả khác
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn
- Các khoản phải trả, phải nộp khác
- + Dự án tái định cư Cọ Dầu
- + Phải trả dài hạn khác

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Cộng

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
5.999.101.146	5.999.101.146	3.361.919.902	3.361.919.902	3.361.919.902
-	-	-	208.434.057	208.434.057
-	-	-	39.940.376	39.940.376
-	-	-	19.412.081	19.412.081
5.999.101.146	5.999.101.146	3.094.133.388	3.094.133.388	3.094.133.388
74.173.700	74.173.700	74.173.700	74.173.700	74.173.700
1.837.799.509	1.837.799.509	1.837.799.509	1.837.799.509	1.837.799.509
-	-	-	1.170.727.443	1.170.727.443
3.958.662.826	3.958.662.826	-	-	-
128.465.111	128.465.111	11.432.736	11.432.736	11.432.736
12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329
12.422.741.329	12.422.741.329	-	-	-
12.000.000.000	12.000.000.000	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329
422.741.329	422.741.329	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
-	-	422.741.329	422.741.329	422.741.329
18.421.842.475	18.421.842.475	-	-	-
18.421.842.475	18.421.842.475	15.784.661.231	15.784.661.231	15.784.661.231

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	Tại 31/12/2019		Trong năm		Tại 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	81.500.000	81.500.000	85.000.000	978.000.000	974.500.000	974.500.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Tp Hồ Chí Minh (*)	81.500.000	81.500.000	85.000.000	978.000.000	974.500.000	974.500.000
Vay dài hạn	-	-	-	85.000.000	85.000.000	85.000.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Tp Hồ Chí Minh (*)	-	-	-	85.000.000	85.000.000	85.000.000
Cộng	81.500.000	81.500.000	85.000.000	1.063.000.000	1.059.500.000	1.059.500.000

(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2018/HĐTD-QBVMT ngày 30/01/2018 với Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 2 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất 4,27%/năm, mục đích vay là để thực hiện dự án "Mua mới 01 xe ép rác 20m3" và thế chấp khoản vay bằng xe ép rác. Công ty trả gốc vay vào ngày cuối mỗi tháng với số tiền là 81.500.000 đồng.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Số âm Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phản ánh trên chi tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Xem thêm tại thuyết minh số 7).

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2018	38.783.000.000	-	5.738.037.613	44.521.037.613
- Lãi trong năm	-	-	4.695.205.475	4.695.205.475
- Giảm khác (*)	-	-	(96.920.036)	(96.920.036)
Tại 31/12/2018	38.783.000.000	-	10.336.323.052	49.119.323.052
Tại 01/01/2019	38.783.000.000	-	10.336.323.052	49.119.323.052
- Lãi trong năm	-	-	8.243.022.202	8.243.022.202
- Lãi từ kinh doanh hồ mở (**)	-	-	286.800.000	286.800.000
- Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (**)	-	-	97.828.776	97.828.776
- Tăng chi phí thuế TNDN theo Biên bản thanh tra thuế năm 2018 (**)	-	-	(91.964.687)	(91.964.687)
- Giảm khác (*)	-	-	(75.475.000)	(75.475.000)
Tại 31/12/2019	38.783.000.000	-	18.796.534.343	57.579.534.343

(*) Giảm khác liên quan đến doanh thu, chi phí của các kỳ trước bị cắt giảm theo Biên bản quyết toán công trình.

(**) Căn cứ theo Kết quả của Biên bản thanh tra thuế về Báo cáo tài chính năm 2018 của Chi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 07 năm 2019, Công ty điều chỉnh trực tiếp vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	-

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu		
- Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích	82.572.210.810	61.443.607.081
+ Doanh thu kiến thiết thị chính	44.928.977.525	24.770.748.591
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng thuộc ngân sách	30.649.776.612	30.038.984.363
+ Doanh thu cung cấp nước ngọt	6.993.456.673	6.633.874.127
- Doanh thu bán hàng hóa	236.363.106	531.654.944
- Doanh thu hợp đồng xây dựng ngoài ngân sách	52.822.262.856	4.489.066.707
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.630.836.772	66.464.328.732
Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	83.472.039.468	34.528.051.070
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	83.472.039.468	34.528.051.070
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn công trình ngân sách huyện Cần Giờ	65.188.930.675	46.226.383.364
+ Giá vốn dịch vụ công ích	37.390.405.759	20.150.078.625
+ Giá vốn hợp đồng xây dựng thuộc ngân sách	25.747.879.686	23.980.206.584
+ Giá vốn cung cấp nước ngọt	2.050.645.230	2.096.098.155
Giá vốn bán hàng	415.682.243	1.055.502.872
Giá vốn hợp đồng xây dựng ngoài ngân sách	48.621.322.533	4.441.894.451
Cộng	114.225.935.451	51.723.780.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.331.449	85.914.788
Cộng	<u>90.331.449</u>	<u>85.914.788</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	26.008.000	70.063.000
Cộng	<u>26.008.000</u>	<u>70.063.000</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	9.981.927.920	7.165.688.261
- Chi phí nhân viên quản lý	5.960.695.432	4.793.300.770
- Chi phí đồ dùng văn phòng	6.000.000	6.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	105.839.700	94.814.701
- Thuế, phí và lệ phí	131.435.214	35.581.530
- Chi phí dự phòng	-	97.828.776
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.668.008.400	2.091.977.147
- Chi phí bằng tiền khác	1.109.949.174	46.185.337
Các khoản chi phí bán hàng	1.797.918.110	1.716.796.370
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.334.545.038	1.280.765.207
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.127.268	2.375.756
- Chi phí khấu hao TSCĐ	335.613.084	335.613.084
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.632.720	98.042.323
- Chi phí bằng tiền khác	-	-
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh,
Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ bồi thường hỗ trợ di dời tuyến ống cấp nước khu dân cư Giồng Ao	1.156.970.153	6.201.499
Thu nhập từ thanh lý tài sản	90.909.091	6.201.499
Các khoản thu nhập khác	10.882.237	
Cộng	1.258.761.481	

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi nộp phạt, truy thu thuế	34.557.321	8.356.690
Chi phí khác	434.771	531.196
Cộng	34.992.092	8.887.886

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	74.431.902.340	39.391.326.737
Chi phí nhân công	37.444.342.054	34.965.634.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.353.772.067	2.452.797.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.675.886.349	7.364.068.762
Chi phí bằng tiền khác	1.253.510.388	179.595.643
Cộng	123.159.413.198	84.353.422.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.913.148.108	5.871.228.815
Các khoản điều chỉnh tăng TNCT	2.437.481.421	8.887.886
- Các khoản chi phí phạt	34.557.321	8.356.690
- Chi phí không được trừ khác	2.402.924.100	531.196
Các khoản điều chỉnh giảm TNCT	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	13.350.629.529	5.880.116.701
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	2.670.125.906	1.176.023.340
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.670.125.906	1.176.023.340

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2019

	Hoạt động kiến thiết thị chính VND	Hoạt động cung cấp nước ngọt VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động xây dựng VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.928.977.525	6.993.456.673	236.363.106	83.472.039.468	135.630.836.772
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.928.977.525	6.993.456.673	236.363.106	83.472.039.468	135.630.836.772
Giá vốn bộ phận	(37.390.405.759)	(2.050.645.230)	(415.682.243)	(74.369.202.219)	(114.225.935.451)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.538.571.766	4.942.811.443	(179.319.137)	9.102.837.249	21.404.901.321
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(11.779.846.030)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					9.625.055.291
Doanh thu hoạt động tài chính					90.331.449
Chi phí tài chính					(26.008.000)
Thu nhập khác					1.258.761.460
Chi phí khác					(34.992.092)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.670.125.906)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					8.243.022.202

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2018

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Giảm trừ doanh thu
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ
Giá vốn bộ phận
Kết quả kinh doanh theo bộ phận
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động kiến thiết thị chính	Hoạt động cung cấp nước ngọt	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động xây dựng	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND
24.770.748.591	6.633.874.127	531.654.944	34.528.051.070	66.464.328.732
24.770.748.591	6.633.874.127	531.654.944	34.528.051.070	66.464.328.732
(20.150.078.625)	(2.096.098.155)	(1.055.502.872)	(28.422.101.035)	(51.723.780.687)
4.620.669.966	4.537.775.972	(523.847.928)	6.105.950.035	14.740.548.045
				(8.882.484.631)
				5.858.063.414
				85.914.788
				(70.063.000)
				6.201.499
				(8.887.886)
				(1.176.023.340)
				4.695.205.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

32.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

32.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

32.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc	2.456.774.736	1.938.000.000
Tiền lương, thưởng	2.456.774.736	1.938.000.000
Phụ cấp	-	-

33. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Căn cứ Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2016 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban Nhân dân Huyện Cần Giờ ngày 29/05/2019, Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2016. Theo đó, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Số kiểm toán 31/12/2018 VND	Số điều chỉnh hồi tố VND	Số sau điều chỉnh 01/01/2019 VND
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	211	18.893.416.415	115.068.596	19.008.485.011
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(2.169.117.823)	616.885.903	(1.552.231.920)
Tổng cộng			731.954.499	
NGUỒN VỐN				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.481.284.548	724.886.908	3.206.171.456
Phải trả người lao động	314	4.353.618.936	(2.853.348.637)	1.500.270.299
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	2.541.701.645	2.541.701.645
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	354.200.003	(154.200.003)	200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	3.388.676.842	(3.388.676.842)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.474.731.624	3.861.591.428	10.336.323.052
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.779.526.149	3.861.591.428	5.641.117.577
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	4.695.205.475	-	4.695.205.475
Tổng cộng			731.954.499	

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như được nêu tại thuyết minh số 33 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Cần Giờ, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Bùi Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thành Thật



Nguyễn Duy Lộc